

Số: 268/2025/QĐST-LĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 11 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG
V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị H

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Tố U - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thuý A - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 367/2025/TLST-VLĐ ngày 27 tháng 10 năm 2025 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 227/2025/QĐST-LĐ ngày 07 tháng 11 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Bà Trương Thị H, sinh năm 1991; nơi thường trú: Tổ A, ấp D, phường C, tỉnh Đồng Nai. Có yêu cầu vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty TNHH G; địa chỉ: Số D khu phố B, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.
2. Bà Chu Thị S, sinh năm 1995; nơi thường trú: Xóm T, xã B, tỉnh Nghệ An. Có yêu cầu vắng mặt.
3. Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu - Thành phố H; địa chỉ: Đường N, khu phố B, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình giải quyết bà Trương Thị H trình bày: Trong khoảng thời gian năm 2009 đến năm 2023 bà làm việc tại nhiều công ty khác nhau và tham gia bảo hiểm xã hội với mã số: 7409140918 và mã số 7016029537. Nay bà H đi làm thủ tục tại Bảo hiểm xã hội thì được bảo hiểm xã hội cho biết bà bị trùng thời gian thời gian tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 6 năm 2011 đến tháng 8 năm 2011 đối với sổ bảo hiểm có mã số 7411051735. Nguyên nhân bị trùng bảo hiểm xã hội là do bà cho bà Chu Thị S mượn hồ sơ để làm việc tại Công ty TNHH G. Quá trình làm việc, bà S được Công ty TNHH G tham gia bảo hiểm xã hội với mã số bảo hiểm xã hội 7411051735. Vì thiếu hiểu biết, nghĩ rằng việc cho mượn hồ sơ để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH G là không vi phạm gì và chỉ mong muốn cho người thân của mình có công việc để trang trải cuộc sống. Vì vậy, bà H yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Trương Thị H

và Công ty TNHH G là vô hiệu. Bà Trương Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả khi tuyên hợp đồng vô hiệu.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Chu Thị S trình bày:* Bà S và bà H có mối quan hệ bạn bè. Khoảng tháng 06/2011, bà có mượn hồ sơ của bà H để xin vào làm việc tại Công ty TNHH G, địa chỉ Số D khu phố B, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh và tham gia đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 6/2011 đến tháng 08/2011 với số sổ bảo hiểm xã hội là 7411051735. Nay bà thống nhất toàn bộ yêu cầu của bà H và đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Trương Thị H với Công ty TNHH G vô hiệu. Bà S không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu và có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Công ty TNHH G đã được Tòa án thông báo và tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 208; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng đại diện Công ty không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên họp.

- Bảo hiểm xã hội cơ sở L (viết tắt là BHXH) trình bày: Bà Trương Thị H1 sinh ngày 14/01/1991, chứng minh nhân dân số 186732481, căn cước công dân số 040191042643 được Công ty TNHH G tham gia bảo hiểm xã hội với mã số BHXH 7411051735 có quá trình tham gia BHXH, BHYT, BHTN từ tháng 6 năm 2011 đến tháng 8 năm 2011 tại Công ty TNHH G. Về đề nghị yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu giữa bà Trương Thị H và Công ty TNHH G, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

- *Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc lao động và đề nghị:* Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên họp và đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của bà Trương Thị H là có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1/ Về thủ tục tố tụng: Người yêu cầu bà Trương Thị H; bà Chu Thị S, đại diện Bảo hiểm xã hội cơ sở L có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Công ty TNHH G vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Xem xét yêu cầu của đương sự:

[2.1] Trong thời gian tháng 06/2011 đến tháng 08/2011, người lao động tên Trương Thị H giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH G và được Công ty TNHH G tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số bảo hiểm xã hội là 7411051735. Tuy nhiên, bà H và bà S thừa nhận người ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH G và thực tế làm việc tại công ty trong khoảng thời gian tháng 6 năm 2011 đến tháng 08 năm 2011 là bà Chu Thị S.

[2.2] Xét thấy, lời khai của bà H, bà S là phù hợp với xác nhận của Bảo hiểm xã hội thành phố T, tỉnh B (nay là cơ sở L, Thành phố Hồ Chí Minh). Bởi lẽ, trong khoảng thời gian tháng 06/2011 đến tháng 08/2011, bà H đang làm việc tại Công ty khác và tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với số sổ 7409140918 tại Công ty TNHH V. Như vậy, chủ thể ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH G trong khoảng thời gian tháng 06/2011 đến tháng 08/2011 là bà Chu Thị S, không phải bà Trương Thị H.

Theo khoản 1 Điều 17 của Bộ luật Lao động năm 2012 và khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động năm 2019, quy định về nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động: “*Tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực*”. Theo quy định về nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động tại khoản 2 Điều 19 của Bộ luật Lao động năm 2012, thì: “*Người lao động phải cung cấp thông tin cho người sử dụng lao động về họ tên, tuổi, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, tình trạng sức khỏe và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu*” và khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động năm 2019, thì: “*Người lao động phải cung cấp thông tin trung thực cho người sử dụng lao động về họ tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, xác nhận tình trạng sức khỏe và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu*”. Theo quy định về hợp đồng lao động vô hiệu tại điểm b khoản 1 Điều 50 của Bộ luật Lao động năm 2012, thì: “*Người ký kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền*” và điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động năm 2019, thì: “*Người giao kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền hoặc vi phạm nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật này*”. Theo hướng dẫn tại Công văn số 1767/LĐTBXH-BHXXH ngày 31/5/2022 về việc người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động của Bộ L thì: “*...Trường hợp người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động là hành vi vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ...*”. Do đó, có cơ sở xác định việc bà Chu Thị S mượn hồ sơ cá nhân của bà Trương Thị H để giao kết hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội theo sổ sổ BHXH là 7411051735 từ tháng 06/2011 đến tháng 08/2011 tại Công ty TNHH G là hành vi vi phạm nguyên tắc “trung thực” và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động, đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ.

[2.3] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Trương Thị H về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Trương Thị H với Công ty TNHH G theo sổ bảo hiểm xã hội số 7411051735 bị vô hiệu.

[2.4] Tại khoản 5 Điều 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định về xem xét yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, thỏa ước lao động tập thể vô hiệu: “*... Tòa án phải giải quyết hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu*”, chấp nhận yêu cầu của bà Trương Thị H về việc xác định người lao động tại Công ty TNHH G từ tháng 06/2011 đến tháng 08/2011 là bà Chu Thị S, không phải bà Trương Thị H. Bà H, bà S có quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để cải chính thông tin tại Sổ bảo hiểm xã hội mã số 7411051735.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về lệ phí: Bà Trương Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 33; điểm d khoản 2 Điều 35; điểm v khoản 2 Điều 39; Điều 146; Điều 149; Điều 361; Điều 366; Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372; Điều 401 và Điều 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 17; khoản 2 Điều 19; Điều 50; Điều 51 và Điều 52 của Bộ luật Lao động năm 2012;

- Căn cứ khoản 1 Điều 15; khoản 2 Điều 16; Điều 49; Điều 50 và Điều 51 của Bộ luật Lao động năm 2019;

- Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Trương Thị H.

- Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Trương Thị H với Công ty TNHH G (theo số sổ bảo hiểm xã hội số 7411051735) bị vô hiệu.

- Xác định người lao động theo sổ bảo hiểm xã hội số 7411051735 không phải là bà Trương Thị H, sinh ngày 14/01/1991, giới tính: Nữ, quốc tịch: Việt Nam, chứng minh nhân dân số 186732481, căn cước công dân số 040191042643. Các đương sự được quyền liên hệ với C có thẩm quyền để tiến hành thủ tục cải chính thông tin tại sổ bảo hiểm xã hội mã số 7411051735.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Trương Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0028283 ngày 20/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND KV 16 – Tp. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS KV 16 – Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

Nguyễn Thị H